

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010; Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024 quy định chung về khai thác khoáng sản nhóm IV;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;*

*Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Công văn số 2392/UBND-CN ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh về việc chủ trương cho Công ty TNHH Gia Huy Group và Công ty TNHH Bình Minh Thanh Hóa lập hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình;*

*Theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của Chủ tịch UBND thị trấn Hà Lĩnh về việc phê duyệt Báo cáo KTKT thi công chống sạt lở khu dân cư khu vực 3-4 thôn Thanh Xá, thị trấn Hà Lĩnh; Công văn số 65/UBND-ĐC*

ngày 27/02/2025 của UBND thị trấn Hà Lĩnh, huyện Hà Trung về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của Công ty TNHH Bình Minh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 274/TTr-STNMT ngày 28/02/2025.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1.**

Cho phép Công ty TNHH Bình Minh Thanh Hóa (Mã số doanh nghiệp 2802478771; Địa chỉ: Tiểu khu Phong Vân, đường 217, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa được khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất làm vật liệu san lấp) ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình “Thi công chống sạt lở khu dân cư khu vực 3, 4, thôn Thanh Xá 3, thị trấn Hà Lĩnh, huyện Hà Trung”, cụ thể:

- Diện tích khu vực khai thác: 19.800 m<sup>2</sup>, gồm 02 khu vực (Khu vực 3, khu vực 4) thuộc thôn Thanh Xá 3, thị trấn Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, trong đó: Khu vực 3 có diện tích 9.900 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9; Khu vực 4 có diện tích 9.900 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm góc từ 10, 11, 12, 13, 14, 16 và 17 có tọa độ xác định tại Phụ lục và trên Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

- Khối lượng khoáng sản được khai thác: 150.601,56 m<sup>3</sup> đất làm vật liệu san lấp.

- Phương pháp khai thác: lộ thiên.

- Công suất khai thác: 150.601,56 m<sup>3</sup>/năm.

- Thời hạn khai thác: 12 tháng, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

- Thân khoáng: dạng khối.

- Mức sâu khai thác thấp nhất: Khu vực 3 đến mức +15m; Khu vực 4 đến mức +12m.

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu san lấp cung cấp cho các công trình, dự án trên địa bàn huyện Hà Trung và các dự án, công trình có liên quan (theo hợp đồng Công ty TNHH Bình Minh Thanh Hóa ký với các đơn vị có nhu cầu sử dụng nguồn đất thừa nêu trên đảm bảo theo quy định).

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Công ty TNHH Bình Minh Thanh Hóa có trách nhiệm.

a) Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

b) Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định;

c) Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

d) Trước khi tiến hành khai thác phải cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác;

đ) Thực hiện đầy đủ nội dung Hồ sơ đăng ký môi trường của Dự án và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

h) Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện việc phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; Báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra các vi phạm về chở quá khổ, quá tải, sử dụng đất thừa không đúng mục đích, ảnh hưởng vệ sinh môi trường, mất an ninh trật tự trong khu vực, làm hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các công trình khác có liên quan; phối hợp với chính quyền địa phương để sửa chữa hư hỏng trên các tuyến đường trong quá trình vận chuyển.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an tỉnh, Chi cục Thuế khu vực X, UBND huyện Hà Trung và các đơn vị có liên quan, hướng

dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện của Công ty TNHH Bình Minh Thanh Hóa, đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định có liên quan trong hoạt động khai thác khoáng sản tại khu vực dự án nêu trên; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, đất đai, xây dựng, quản lý dự án, mục đích sử dụng đất san lấp và không làm thất thoát nguồn tài nguyên, vệ sinh môi trường, cảnh quan và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các nội dung tham mưu, giải quyết thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị mình.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH Bình Minh Thanh Hóa chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; đăng ký ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các Sở: NN&MT, XD;
- Công an tỉnh;
- Chi cục Thuế khu vực X;
- UBND huyện Hà Trung;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cty TNHH Bình Minh Thanh Hóa;
- UBND thị trấn Hà Lĩnh, huyện Hà Trung;
- Lưu: VT, CNXDKHCN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
Ở KHU VỰC CÓ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:  
THI CÔNG CHỐNG SẠT LỞ KHU DÂN CƯ KHU VỰC 3, 4,  
THÔN THANH XÁ 3, THỊ TRẤN HÀ LĨNH, HUYỆN HÀ TRUNG**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND  
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000	
	X (m)	Y (m)
<b>Khu vực 3, với diện tích <math>S_3 = 9.900\text{m}^2</math></b>		
1	2212 035,53	581 917,54
2	2212 037,03	581 906,07
3	2211 993,34	581 852,22
4	2212 001,44	581 792,83
5	2212 041,40	581 779,58
6	2212 041,81	581 767,46
7	2211 962,03	581 766,96
8	2211 924,87	581 794,76
9	2211 919,89	581 862,06
<b>Khu vực 4, với diện tích <math>S_4 = 9.900\text{m}^2</math></b>		
10	2212 042,36	581 751,10
11	2212 039,97	581 737,69
12	2211 978,16	581 719,47
13	2211 974,86	581 590,70
14	2211 926,66	581 619,12
15	2211 899,53	581 660,46
16	2211 899,96	581 700,40
17	2211 955,97	581 744,91